TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Sương.

2/ Bà Phạm Thị Mộng Nguyệt.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 448/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: số nhà 26, đường số 23, tổ 4, thôn 9, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Bùi Công B, sinh năm 1972. Nơi cư trú: số nhà 29, đường số 4, tổ 1, thôn 8, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2018, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1993, bà và ông Bùi Công B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hạnh. Tuy nhiên giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung gồm Bùi Công Th, sinh năm 1993; Bùi Công L, sinh năm 1999 và Bùi Công T1, sinh năm 2002. Tuy nhiên khoảng 04 năm trở lại đây, ông B thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà gây sự đánh đập vợ con. Bản thân ông B là người có tính gia trưởng, thường xuyên tỏ thái độ xem thường bà khiến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt. Vì thương các con nên bà đã nhẫn nhịn, nhiều lần khuyên răn ông B thay đổi nhưng vẫn không có kết quả. Vì thế mà bà và ông B ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy không thể duy trì cuộc hôn nhân này nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Về con chung, tài sản chung: Bà T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của ông B cũng như tiến hành phiên họp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông B thống nhất như lời khai của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân. Tuy nhiên nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì ông B cho rằng do bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác như ông không thể chấp nhận và bỏ nhà về cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn. Ông B không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông B có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân thời gian dài không hàn gắn được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T để giải quyết cho ông bà được ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Tranh chấp ly hôn" là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Quá trình tham gia tố tụng bà T và ông B khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 1993, tuy nhiên các bên không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Căn cứ biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân xã Đ thì hồ sơ đăng ký kết hôn vào năm 1993 không còn lưu trữ do đó không có căn cứ để xác định bà T và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn từ năm 1993 đến nay.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà T và ông B nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ly thân thời gian dài không hàn gắn được tình cảm mặc dù có sự khuyên răn, hòa giải của hai bên gia đình. Tại phiên tòa, bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn và ông B đồng ý. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T ông B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy, bà T và ông B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, đến nay không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà T ông B không phù hợp pháp luật, nên không được pháp luật thừa nhận. Nay bà T yêu cầu muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân, nên tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng là đúng quy định pháp luật.

Về con chung, tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Tuyên bố: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Công B là vợ chồng.

2. Về án phí**:** Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018886 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (08/4/2019), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu